

Bản án số: 426/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15 – 9 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Thanh Bự.

Ông Nguyễn Văn Mười.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 15 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 593/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2026 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Cẩm T**, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau**. Căn cước công dân số 096189010847, cấp ngày 09/8/2021 (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh **Phạm Hoàng G**, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: **Ấp C, xã T, tỉnh Cà Mau**. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của chị **Trần Cẩm T**, thể hiện:

Chị **T** và anh **Phạm Hoàng G** chung sống với nhau vào tháng 4/2008, đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau** vào ngày 31/8/2012. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân từ tháng 5/2026 cho đến nay. Từ nguyên nhân trên, chị **T** xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với anh **G**.

Về con chung, gồm: **Phạm Như T1**, sinh ngày 03/01/2009 và **Phạm Thành T2**, sinh ngày 10/4/2010, do chị **T** đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Chị **T** yêu cầu được tự thỏa thuận; về nợ và các vấn đề khác: Chị **T** xác định không có.

* Đối với anh **Phạm Hoàng G**: Mặc dù đã được thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh **G** không có ý kiến gì về các nội dung chị **T** yêu cầu, không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị **Trần Cẩm T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh **Phạm Hoàng G** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; việc vắng mặt của anh **G** không thuộc trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị **Trần Cẩm T** và anh **Phạm Hoàng G** chung sống vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau**. Theo chị **T**, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân từ tháng 5/2026 cho đến nay. Từ nguyên nhân trên, chị **T** xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh **G**; anh **G** không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị **T**.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng: Hôn nhân của chị **T** và anh **G** có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; tuy nhiên, chị **T** yêu cầu ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử anh **G** đều vắng mặt, thể hiện không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thật sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị **T** ly hôn với anh **G** là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục nuôi dưỡng **Phạm Như T1** và **Phạm Thành T2** sau khi ly hôn, thấy rằng: Hiện nay, **Như T1** và **Thành T2** do chị **T** đang nuôi dưỡng; **Như T1** và **Thành T2** có nguyện vọng sống với chị **T**; anh **G** không có ý kiến gì về yêu cầu của chị **T**.

Do vậy, để bảo đảm sự ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với **Như T1** và **Thành T2**, cần tiếp tục giao **Như T1** và **Thành T2** cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Chị **T** yêu cầu được tự thỏa thuận; về nợ và các vấn đề khác: Chị **T** xác định không có; anh **G** không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị **T** phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Cẩm T**. Cho chị **T** được ly hôn với anh **Phạm Hoàng G** (giấy chứng nhận kết hôn số: 179 ngày 31/8/2012 của **UBND xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau**).

2. Về con chung: Giao **Phạm Như T1**, sinh ngày 03/01/2009 và **Phạm Thành T2**, sinh ngày 10/4/2010 cho chị **Trần Cẩm T** tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra; anh **Phạm Hoàng G** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **Trần Cẩm T** phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0000540 ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau thì chị **T** đã nộp xong án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 36 và 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Tân Hưng, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

